

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 804/TTTr-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự án Luật Chuyển đổi số

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025), Chính phủ xin báo cáo Quốc hội về dự án Luật Chuyển đổi số như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Chủ trương của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số đã được xác lập nhất quán và thể hiện rõ trong các văn kiện chỉ đạo ở cấp độ cao nhất. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định các định hướng chiến lược phát triển đất nước giai đoạn 2021 -2030, trong đó nhấn mạnh “*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước*”, đồng thời đặt ra yêu cầu “... *đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo*”.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã nêu rõ quan điểm chỉ đạo: “***Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước***”. Nghị quyết cũng xác định nhiệm vụ, giải pháp là “***Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số***”.

Tại Văn bản số 04-TB/BCĐTW ngày 30/5/2025, Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Ban Chỉ đạo) đã giao Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan đề xuất xây dựng dự án Luật Chuyển đổi số, trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV để thúc đẩy phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Tại Nghị quyết số 217/NQ-CP ngày 25/7/2025, Chính phủ đã thống nhất trình Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc bổ sung dự án Luật Chuyển đổi số vào chương trình lập pháp của Quốc hội năm 2025.

Tại Nghị quyết số 96/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 21/8/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã đồng ý bổ sung dự án Luật Chuyển đổi số vào Chương trình lập pháp năm 2025 của Quốc hội, thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Hệ thống pháp luật liên quan đến chuyển đổi số đã có nhiều luật chuyên ngành như Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Dữ liệu, Luật Giao dịch điện tử, Luật Viễn thông, Luật An toàn thông tin mạng...¹ Tuy nhiên, còn khu trú, chưa được kết nối liên mạch để điều chỉnh một cách tổng thể các hoạt động chuyển đổi số quốc gia.

b) Thực tiễn cần bổ sung các quy định mới để luật hóa các tư tưởng, điều chỉnh các khoảng trống pháp lý phát sinh trong quá trình 5 năm chuyển đổi số như: số hóa thế giới thực, kết nối thế giới thực và số thành một thế giới thống nhất, ngôn ngữ số, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng...

c) Mối quan hệ với Luật Công nghệ thông tin:

Năm 2006, Quốc hội ban hành Luật Công nghệ thông tin (CNTT) hình thành khung pháp lý đầu tiên để điều chỉnh lĩnh vực này. Luật CNTT là một Luật tổng thể, điều chỉnh chung cho nhiều mảng của toàn bộ lĩnh vực CNTT như phát triển CNTT, ứng dụng CNTT, an toàn thông tin... Việc một Luật điều chỉnh tổng thể có lợi thế sẽ giúp đồng bộ trong hệ thống pháp luật; tuy nhiên, điều này cũng sẽ phát sinh một số hạn chế như luật quá rộng khó đi vào chi tiết, thiếu sự linh hoạt, chuyên sâu, dẫn đến khó tạo ra sự phát triển bứt phá trong bối cảnh CNTT, công nghệ số thay đổi phát triển nhanh như hiện nay. Do đó cần thiết phải xây dựng các Luật chuyên ngành để quản lý, giúp phát triển thuận lợi hơn, hiệu quả hơn, nhanh hơn. Xu hướng chung của các nước trên thế giới cũng là xây dựng các Luật chuyên sâu cho một số lĩnh vực cần tập trung phát triển như Đạo luật Thị trường kỹ thuật số (Digital Markets Act - DMA), Đạo luật Dịch vụ Kỹ thuật số (Digital Services Act - DSA); Đạo luật về Trí tuệ Nhân tạo (AI Act), Đạo Luật Kinh tế số (Digital Economy Act); Đạo luật Thúc đẩy chuyển đổi số công nghiệp (Industrial digital transformation promotion act)...

Thực tiễn Việt Nam cũng nằm trong xu thế này, cụ thể:

(1) Nội dung về an toàn thông tin đã được tách ra và xây dựng thành Luật An toàn thông tin mạng (2015), Luật An ninh mạng (2018) và các văn bản hướng dẫn chi tiết;

(2) Nội dung liên quan đến phát triển CNTT, biện pháp bảo đảm phát triển CNTT được thay thế, bãi bỏ bởi Luật Công nghiệp công nghệ số (2025);

¹ (1) Luật Công nghệ thông tin 2006; (2) Luật An toàn thông tin mạng 2015; (3) Luật An ninh mạng năm 2018; (4) Luật Giao dịch điện tử năm 2023; (5) Luật Viễn thông năm 2023; (6) Luật Dữ liệu năm 2024; (7) Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025; (8) Luật Công nghiệp Công nghệ số năm 2025; (9) Luật Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025...

(3) Nội dung liên quan cơ sở hạ tầng thông tin, giải quyết tranh chấp xử lý vi phạm đã được quy định, điều chỉnh bởi Luật Viễn thông (2023).

(4) Một số nội dung liên quan đến ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước được quy định và điều chỉnh bởi Luật Giao dịch điện tử (2023).

Trong quá trình xây dựng dự án Luật Chuyển đổi số, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có khảo sát, tham vấn ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan phục vụ đánh giá, tổng kết thi hành Luật Công nghệ thông tin năm 2006. Căn cứ ý kiến của 52 cơ quan, tổ chức², chủ động rà soát, đánh giá, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy:

(1) Luật Công nghệ thông tin năm 2006, sau gần 20 năm thi hành, đã bộc lộ nhiều hạn chế, không theo kịp sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ mới (Trí tuệ nhân tạo, Dữ liệu lớn, Internet vạn vật, Điện toán đám mây, Chuỗi khối, mô hình kinh doanh mới...).

(2) Hệ thống pháp luật còn những khoảng trống pháp lý, còn nhiều nội dung chưa được điều chỉnh hoặc đã được điều chỉnh một phần ở nhiều văn bản khác nhau, như: số hóa thể giới thực; hạ tầng cho chuyển đổi số; chuyển đổi số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, chính phủ số; kinh tế số nền tảng; quyền công dân trên môi trường số; văn hóa số...³

Với các phân tích bên trên, việc ban hành Luật Chuyển đổi số để hoàn thiện hành lang pháp lý đồng bộ, tổng thể điều chỉnh và thúc đẩy quá trình Chuyển đổi số quốc gia.

Luật Công nghệ thông tin đã được rà soát, kế thừa các nội dung còn hợp lý và sẽ hết hiệu lực thi hành kể từ khi Luật Chuyển đổi số có hiệu lực (Điều 78. Hiệu lực thi hành).

(Chi tiết như bản so sánh thuyết minh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế pháp luật hiện hành, luật chuyển đổi số với Luật CNTT)

3. Kinh nghiệm quốc tế và xu thế phát triển

Các quốc gia, khu vực trên thế giới đã và đang chủ động trong việc xây dựng,

² Có 07 Bộ ngành: Công an; Nội vụ; Quốc phòng; Tài chính; VTV; Thông tấn xã; Viện Hàn lâm KH-CN. Có 42 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Bắc Giang; Bắc Kạn; Bạc Liêu; Bắc Ninh; Bến Tre; Bình Định; Bình Dương; Cà Mau; Cần Thơ; Cao Bằng; Đà Nẵng; Đắk Lắk; Điện Biên; Đồng Nai; Hà Tĩnh; Hải Phòng; Hòa Bình; Huế; Khánh Hòa; Kon Tum; Lai Châu; Lâm Đồng; Lạng Sơn; Nam Định; Nghệ An; Ninh Thuận; Phú Thọ; Phú Yên; Quảng Bình; Quảng Nam; Quảng Ngãi; Quảng Ninh; Quảng Trị; Sơn La; Thái Bình; Thái Nguyên; Thanh Hóa; TP HCM; Trà Vinh; Tuyên Quang; Vĩnh Phúc; Yên Bái. Có 03 doanh nghiệp: Tập đoàn Viettel; Tập đoàn VNPT; Tổng Công ty VNPOST.

³(1) Số hóa thể giới thực, kết nối thể giới thực và số thành một thể giới thống nhất; (2) Chuyển đổi số (khác với ứng dụng công nghệ thông tin), các hoạt động chuyển đổi số; (3) Hạ tầng cho chuyển đổi số, thể chế hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước tại Nghị quyết số 57-NQ/TW; (4) Chuyển đổi số cơ quan trong hệ thống chính trị, Chính phủ số: định hướng, yêu cầu; khung kiến trúc tổng thể quốc gia số; nền tảng số dùng chung bảo đảm không chồng chéo, hiệu quả; dịch vụ công trực tuyến toàn trình; (5) Kinh tế số: khái niệm, các thành phần; quản lý nền tảng số; quản lý cạnh tranh trong kinh tế số; phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực; (6) Xã hội số: quyền của công dân trên môi trường số; chính sách phổ cập các điều kiện và dịch vụ cơ bản; ngôn ngữ số; thu hẹp khoảng cách số; bảo vệ trẻ em trên môi trường số; văn hóa số, khung ứng xử văn minh trên môi trường số; cơ chế quản lý, giám sát, đo lường; (7) Nhân lực số, kỹ năng số; (8) Tài chính cho chuyển đổi số; (9) Tiêu chuẩn, quy chuẩn cho chuyển đổi số; (10) Làm chủ công nghệ chuyển đổi số; (11) Dữ liệu liên bộ, ngành phục vụ chuyển đổi số; (12) Bảo đảm an toàn môi trường số; (13) Chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; (14) Thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá hiệu quả chuyển đổi số;...

hoàn thiện hành lang pháp lý cho chuyển đổi số, cụ thể:

- Vương quốc Anh: Đạo Luật Kinh tế số (Digital Economy Act), trong đó quy định về: hạ tầng số, chính phủ số, quản lý tiếp thị trực tuyến và thông kê.
- Nhật Bản: Luật khung về hình thành xã hội số (Basic Act on the Formation of a Digital Society), trong đó có quy định về: các nguyên tắc và chính sách cơ bản, xác định trách nhiệm của chính phủ, chính quyền địa phương và các doanh nghiệp, cũng như việc thiết lập cơ quan số.
- Hàn Quốc: (1) Luật Khung về Số hóa Thông minh (Framework Act on Intelligent Informatization), (2) Luật cơ bản về phát triển trí tuệ nhân tạo và xây dựng nền tảng niềm tin (Basic Law on the Development of Artificial Intelligence and Creation of a Trust Base), Luật khung về thúc đẩy giáo dục từ xa dựa trên nền tảng số (Framework Act on the Promotion of Digital-Based Distance Education), Đạo luật Thúc đẩy chuyển đổi số công nghiệp (Industrial digital transformation promotion act), trong đó có điều chỉnh các vấn đề việc số hóa thông minh toàn diện xã hội; phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực số; chuyển đổi số trong hoạt động công nghiệp, cơ sở hạ tầng và tiện ích phục vụ chuyển đổi số công nghiệp.
- Liên minh châu Âu (EU): (1) Đạo luật Thị trường kỹ thuật số (Digital Markets Act - DMA), (2) Đạo luật Dịch vụ Kỹ thuật số (Digital Services Act - DSA), (3) Đạo luật về Trí tuệ Nhân tạo (AI Act)... trong đó đảm bảo phát triển thị trường kỹ thuật số công bằng, cạnh tranh; tăng cường minh bạch và bảo vệ các quyền cơ bản của người dùng; phát triển, triển khai và sử dụng các hệ thống trí tuệ nhân tạo trong EU đảm bảo an toàn, tin cậy, minh bạch và tôn trọng các quyền cơ bản cũng như các giá trị của EU.

Việc tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế là cần thiết nhằm góp phần thúc đẩy hội nhập quốc tế và hoàn thiện hệ thống pháp luật về chuyển đổi số cho Việt Nam.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

Việc xây dựng Luật Chuyển đổi số là cần thiết nhằm đạt các mục tiêu chủ yếu sau đây:

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về chuyển đổi số quốc gia, tạo hệ thống pháp lý liên ngành về chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực.
- Điều chỉnh mối quan hệ giữa các chủ thể tham gia các hoạt động trên môi trường số; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số toàn diện; tăng cường hợp tác quốc tế và hội nhập.

2. Quan điểm

Quan điểm xây dựng Luật Chuyển đổi số như sau:

- a) Thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước (đặc biệt Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024), phù hợp với Hiến pháp, tạo sự đồng bộ trong hệ thống pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Là luật khung, tính kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật hiện hành còn phù hợp về công nghệ thông tin, kết nối các luật hiện hành, đồng thời bổ sung khoảng trống pháp lý về Chuyển đổi số để hình thành hành lang pháp lý đồng bộ, tổng thể điều chỉnh và thúc đẩy quá trình Chuyển đổi số quốc gia.

c) Không quy định lại nội dung đã được pháp luật khác quy định, không làm thay đổi về trách nhiệm quản lý nhà nước của bộ, ngành.

d) Tham khảo có chọn lọc pháp luật và kinh nghiệm thực tiễn về xu thế phát triển của chuyển đổi số của một số quốc gia phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

- Ngày 10/6/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có các Văn bản số 2270/BKHCN-CĐSQG gửi các bộ, ngành, địa phương; 2271/BKHCN-CĐSQG gửi các hội, hiệp hội, doanh nghiệp lớn về công nghệ thông tin, chuyển đổi số về việc phối hợp triển khai, đánh giá, tổng kết thi hành Luật Công nghệ thông tin năm 2006 (trừ nội dung về công nghiệp công nghệ thông tin).

- Ngày 18/6/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ có Văn bản số 2487/BKHCN-PC gửi Bộ Tư pháp về việc lấy ý kiến đối với đề xuất xây dựng luật bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2025, trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025).

- Ngày 19/6/2025, Bộ Tư pháp đã có Văn bản số 3575/BTP-CTXDVBQPPL gửi Bộ Khoa học và Công nghệ về việc cho ý kiến đối với đề xuất bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2025, trong đó, Bộ Tư pháp có ý kiến nhất trí đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ 04 dự án luật vào Chương trình lập pháp năm 2025 trình Quốc hội khóa XV xem xét thông qua vào kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025), trong đó có dự án Luật Chuyển đổi số.

- Ngày 19/6/2025, Bộ Tư pháp đã có ý kiến nhất trí với đề xuất bổ sung dự án Luật Chuyển đổi số vào Chương trình lập pháp năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ (Văn bản số 3575/BTP-CTXDVBQPPL).

- Ngày 30/6/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Tờ trình số 78/TTr-BKHCN trình Chính phủ về việc đề xuất xây dựng dự án Luật Chuyển đổi số.

- Ngày 25/7/2025, Chính phủ đã có Nghị quyết số 217/NQ-CP về việc bổ sung dự án Luật Chuyển đổi số vào chương trình lập pháp của Quốc hội năm 2025.

- Ngày 08/8/2025, Chính phủ đã có Tờ trình số 691/TTr-CP trình Ủy ban thường vụ Quốc hội việc đề nghị bổ sung dự án Luật Chuyển đổi số vào Chương trình lập pháp năm 2025.

- Ngày 11/8/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Văn bản số 3827/BKHCN-CĐSQG về việc tham gia ý kiến Hồ sơ dự án Luật Chuyển đổi số gửi xin ý kiến các đối tượng chịu tác động của Luật, Hội đồng Tư vấn quốc gia về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hội, hiệp hội, chuyên gia, nhà khoa học.

- Từ ngày 12/8-20/8/2025: Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức các buổi hội thảo, làm việc với các doanh nghiệp công nghệ thông tin lớn⁴, các hội, hiệp hội liên quan⁵.

- Ngày 21/8/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã có Nghị quyết số 96/2025/NQ-UBTVQH15 về việc điều chỉnh Chương trình lập pháp 2025, trong đó đã bổ sung vào Chương trình lập pháp 2025 trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025) theo trình tự, thủ tục rút gọn đối với dự án Luật Chuyển đổi số.

- Ngày 26/8/2025, Bộ Tư pháp đã tổ chức thẩm định Hồ sơ dự án Luật Chuyển đổi số; có Văn bản số 384/BTP-PLDSKT ngày 29/8/2025 về việc ý kiến thẩm định hồ sơ dự án Luật Chuyển đổi số.

- Ngày 31/8/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ có Báo cáo số 200/BC-BKHCN về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về Hồ sơ Dự án Luật Chuyển đổi số; Báo cáo số 201/BC-BKCN về việc rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách tại dự thảo Luật Chuyển đổi số; Tờ trình số 122/TTr-BKHCN về việc đề xuất xây dựng dự án Luật Chuyển đổi số.

- Ngày 04/9/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã báo cáo Chính phủ về dự án Luật Chuyển đổi số tại phiên họp chuyên đề pháp luật tháng 8/2025 của Chính phủ. Từ 05/9-12/9/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, giải trình tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ Luật Chuyển đổi số theo ý kiến thành viên Chính phủ.

- Ngày 16/9/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 283/NQ-CP về Phiên họp chuyên đề pháp luật tháng 8 năm 2025, trong đó giao Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ, ký Tờ trình Chính phủ trình Quốc hội theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về chuyển đổi số, bao gồm: hạ tầng cho chuyển đổi số; chính phủ số và chuyển đổi số hoạt động các cơ quan thuộc hệ thống chính trị; kinh tế số; xã hội số và các biện pháp bảo đảm chuyển đổi số.

b) Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có hoạt động liên quan đến chuyển đổi số tại Việt Nam.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

⁴ Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel); Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT); Tổng Công ty Viễn thông MobiFone; - Tập đoàn FPT; Tập đoàn Công nghệ CMC.

⁵ Hội tin học Việt Nam (VAIP); Hiệp hội phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA); Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA); Câu lạc bộ Phần mềm tự do nguồn mở (VFOSSA).

Bố cục của Luật Chuyển đổi số dự kiến như sau:

- Chương I. Những quy định chung (gồm 08 Điều: từ Điều 1 đến Điều 8);
- Chương II. Hạ tầng cho chuyển đổi số (gồm 04 Điều: từ Điều 9 đến Điều 12);
- Chương III. Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị và Chính phủ số và (gồm 11 Điều: từ Điều 13 đến Điều 23);
- Chương IV. Kinh tế số (gồm 25 Điều: từ Điều 24 đến Điều 48);
- Chương V. Xã hội số (gồm 07 Điều: từ Điều 49 đến Điều 55);
- Chương VI. Các biện pháp bảo đảm chuyển đổi số (gồm 18 Điều: từ Điều 56 đến Điều 73);
- Chương VII. Quản lý nhà nước về chuyển đổi số (gồm 03 Điều: từ Điều 74 đến Điều 76);
- Chương VIII. Điều khoản thi hành (gồm 04 Điều: từ Điều 77 đến Điều 79).

3. Nội dung cơ bản

3.1. Những quy định chung

Chuyển đổi số là quá trình số hoá và tích hợp công nghệ số toàn diện vào hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội, tạo ra môi trường số, tương tác với môi trường thực để thay đổi cách thức tổ chức hoạt động, cung cấp dịch vụ, tạo ra giá trị mới. Do đó, cần phải quy định các khái niệm cốt lõi như: số hóa, bản sao số (digital twin), các hoạt động chuyển đổi số...; các chính sách của nhà nước; dữ liệu từ hạ tầng vật lý - số (IOT), thúc đẩy số hóa toàn diện thế giới thực và kết nối thực ảo.

- Giải thích từ ngữ: định nghĩa các từ, cụm từ trong Luật Chuyển đổi số nhằm đảm bảo cách hiểu thống nhất như: chuyển đổi số, số hóa, bản sao số, hạ tầng cho chuyển đổi số, hạ tầng số, hạ tầng số, chuyển đổi số các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, kinh tế số, xã hội số, nền tảng số, nền tảng số trung gian, nhân lực số, ngôn ngữ số, kỹ năng số...

- Chính sách của Nhà nước về chuyển đổi số: khẳng định các chính sách lớn của Nhà nước, xác định chuyển đổi số là đột phá hàng đầu; lấy người dân là trung tâm; ưu tiên phát triển hạ tầng, dữ liệu, nhân lực và thúc đẩy hợp tác quốc tế được nêu tại các văn bản như Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025...

- Các hành vi bị nghiêm cấm, dự kiến: lợi dụng chuyển đổi số để xâm phạm an ninh, phát tán dữ liệu trái phép, can thiệp hoặc phá hoại hệ thống số, dữ liệu số; vi phạm bảo vệ dữ liệu cá nhân, gây cản trở chuyển đổi số hợp pháp, thao túng người dùng qua nền tảng số; sử dụng công nghệ số để lừa đảo, cạnh tranh không lành mạnh...

- Quy định các hoạt động chuyển đổi số; Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

3.2. Hạ tầng cho chuyển đổi số

Chương này quy định về việc thể chế hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển hạ tầng cho chuyển đổi số quốc gia đã được nêu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW:

- Xác định các thành phần cấu thành hạ tầng cho chuyển đổi số (hạ tầng số, hạ tầng số công cộng, hạ tầng công nghiệp công nghệ số); yêu cầu phát triển đối với hạ tầng bảo đảm đồng bộ, hiện đại, an toàn đáp ứng nhu cầu triển khai chuyển đổi số một cách toàn diện tại Việt Nam.

- Thể chế hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển hạ tầng cho chuyển đổi số quốc gia đã được nêu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW.

3.3. Chuyển đổi số các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, Chính phủ số

Chương này quy định các nội dung nhằm đẩy mạnh chuyển đổi trong hệ thống chính trị và chính phủ số, cụ thể:

- Luật hóa các nguyên tắc chuyển đổi số, yêu cầu các cơ quan nhà nước phải tuân thủ trong mọi hoạt động như: lấy người dân, người sử dụng là trung tâm; số ngay từ đầu; quản lý dựa trên dữ liệu; chính phủ như một nền tảng; mặc định mở dữ liệu; chủ động phục vụ; sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo trong hoạt động công vụ bảo đảm tuân thủ pháp luật.

- Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số: quy định Khung kiến trúc tổng thể, thống nhất để các cơ quan nhà nước xây dựng, triển khai các hệ thống thông tin, nền tảng số, đảm bảo tính đồng bộ và liên thông; các thành phần của Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số như: khung kiến trúc của các cơ quan Đảng, Quốc hội, Mặt trận tổ quốc, Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương.

- Nền tảng số dùng chung trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị: vị trí, vai trò của nền tảng số dùng chung; nguyên tắc phát triển nền tảng số dùng chung; xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng nền tảng số dùng chung.

- Cung cấp dịch vụ công: quy định về dịch vụ công trực tuyến toàn trình; khả năng tiếp cận toàn dân và bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau trong sử dụng dịch vụ công trực tuyến; nguyên tắc kết nối, liên thông của hệ thống thông tin phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến; trách nhiệm pháp lý của cơ quan nhà nước trong việc khai thác dữ liệu và không được yêu cầu nộp lại giấy tờ; đảm bảo chất lượng và hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

3.4. Kinh tế số

Chương này quy định các nội dung nhằm quản lý, thúc đẩy phát triển kinh tế số, đặc biệt là kinh tế số nền tảng, kinh tế số ngành, lĩnh vực:

- Nguyên tắc phát triển kinh tế số.

- Kinh tế số lõi: phạm vi kinh tế số lõi; chính sách quản lý, phát triển kinh tế số lõi.

- Kinh tế số nền tảng: phạm vi kinh tế số nền tảng; chính sách quản lý, phát triển kinh tế số nền tảng; trách nhiệm của các chủ quản nền tảng số trung gian; trách nhiệm của người dùng kinh doanh trên nền tảng số trung gian; nghĩa vụ của người tiêu dùng trên nền tảng số trung gian; quản lý nền tảng số trung gian có sức

mạnh thị trường đáng kể; trách nhiệm của chủ quản nền tảng số trung gian có sức mạnh thị trường đáng kể, các hành vi bị cấm đối với chủ quản nền tảng số trung gian có sức mạnh thị trường đáng kể; trách nhiệm minh bạch nguyên tắc thuật toán của nền tảng số trung gian có sức mạnh thị trường đáng kể; Cơ chế giám sát và nghĩa vụ tuân thủ của nền tảng số trung gian có sức mạnh thị trường đáng kể.

- Kinh tế số ngành, lĩnh vực: phạm vi kinh tế số ngành, lĩnh vực; chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực; trách nhiệm của chủ quản nền tảng số chuyên ngành; trách nhiệm của doanh nghiệp, cá nhân sử dụng dịch vụ nền tảng số chuyên ngành; trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương.

- Kinh tế dữ liệu: vị trí pháp lý dữ liệu; phạm vi của kinh tế dữ liệu; chính sách của Nhà nước về dữ liệu.

- Cơ chế quản lý, giám sát, đo lường kinh tế số: hệ thống thống kê; trách nhiệm chủ quan các nền tảng số; trách nhiệm của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.5. Xã hội số

Chương này quy định các nội dung nhằm quản lý, thúc đẩy phát triển xã hội số: Nguyên tắc cơ bản phát triển xã hội số; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân trên môi trường số; phổ cập ngôn ngữ số; thúc đẩy hòa nhập trên môi trường số; bảo vệ trẻ em; văn hóa ứng xử trên môi trường số cơ chế quản lý, giá, sát, đo lường xã hội số.

3.6. Các biện pháp bảo đảm chuyển đổi số

Chương này quy định về các biện pháp bảo đảm hoạt động chuyển đổi số:

- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyển đổi số; thu hút, trọng dụng chuyên gia về chuyển đổi số; ưu đãi cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyển đổi số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị; phát triển nguồn nhân lực số của cơ quan nhà nước;

- Đầu tư, tài chính cho chuyển đổi số: nguồn, tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số; nội dung chi ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số; lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng, quyết toán ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số; ưu đãi đầu tư, mua sắm cho chuyển đổi số; quản lý đầu tư sản phẩm, hàng hóa; thuê dịch vụ; đặt hàng nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số;

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chuyển đổi số: tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyển đổi số; quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chuyển đổi số; đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn quy chuẩn;

- Công nghệ cho chuyển đổi số: thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ số cho chuyển đổi số; ưu tiên thuê, mua sắm các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số do Việt Nam sản xuất, làm chủ công nghệ trong các dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước;

- Dữ liệu cho chuyển đổi số: được sử dụng nhằm phát triển kinh tế - xã hội,

nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị của cơ quan nhà nước, đồng thời phục vụ người dân và doanh nghiệp; việc quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu thực hiện theo pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- An toàn trên môi trường số: quy định nghĩa vụ tuân thủ pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, trách nhiệm của doanh nghiệp nền tảng số trong việc xử lý nội dung độc hại; bảo vệ dữ liệu, nền tảng số và chủ quyền quốc gia trên không gian mạng.

- Thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá hiệu quả chuyển đổi số: quy định giao Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng bộ chỉ số thống nhất; xây dựng, quản lý, vận hành Nền tảng thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá hiệu quả chuyển đổi số; tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với quốc gia, các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp và công bố công khai kết quả hàng năm.

3.7. Quản lý nhà nước về chuyển đổi số

Chương này quy định về các nội dung chính về:

- Quản lý nhà nước về chuyển đổi số; xác định Chính phủ thống nhất quản lý; Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về chuyển đổi số; trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc quản lý nhà nước về chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

- Hợp tác quốc tế về chuyển đổi số;

- Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan nhà nước đối với kết quả triển khai chuyển đổi số.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

1. Điều 8. Chương trình chuyển đổi số quốc gia

Lý do: Theo ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định (đại diện Bộ Tài chính), bảo đảm việc triển khai chuyển đổi số quốc gia được đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trên quy mô quốc gia.

2. Điều 52. Thúc đẩy hòa nhập trên môi trường số và Điều 53. Bảo vệ trẻ em trên môi trường số

Lý do: Rà soát bảo đảm kế thừa, không có khoảng trống pháp lý khi Luật Công nghệ thông tin hết hiệu lực sau khi Luật Chuyển đổi số có hiệu lực.

VI. PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ THẢO LUẬT

- Các nội dung quy định trong dự thảo Luật không phát sinh thêm thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

- Luật đã phân công, phân quyền rõ ràng giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ, ngành, địa phương về Chuyển đổi số thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn được phân công.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thực thi

a) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, tổ chức cá nhân có liên quan xây dựng Luật Chuyển đổi số.

b) Dự kiến nguồn lực

Nguồn lực tài chính để thi hành Luật sẽ được huy động chủ yếu từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương. Ngoài ra, có thể xem xét huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có). Tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 có đặt ra mục tiêu tới năm 2030 “*bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển*”.

Mặc dù việc triển khai Luật sẽ phát sinh các chi phí gián tiếp cho các bộ, ngành, địa phương để rà soát, nâng cấp và chuẩn hóa hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nhưng đây không chỉ là chi phí hoạt động mà là những khoản đầu tư chiến lược vào sự phát triển quốc gia. Lợi ích dự kiến về tăng trưởng kinh tế, hiệu quả quản trị và an sinh xã hội được kỳ vọng sẽ vượt xa các chi phí này.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

Để đảm bảo việc thi hành Luật, các điều kiện sau đây được đề xuất:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết: Các cơ quan có thẩm quyền sẽ cần khẩn trương ban hành các văn bản được giao trong Luật để hướng dẫn thi hành, đảm bảo phù hợp và đồng bộ với các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về Luật: Các bộ, ngành liên quan như Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, cùng với các cơ quan quản lý nhà nước ở các tỉnh, thành phố, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, sẽ thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân. Đồng thời, cần tổ chức tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện chuyển đổi số để có nhận thức, kỹ năng đầy đủ về các quy định của Luật và thực hiện kịp thời.

- Bảo đảm nhân lực thực hiện: Cơ bản không phát sinh so với hiện tại. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Luật và không làm phát sinh thêm tổ chức mới mà chỉ trên cơ sở các đơn vị đã có kiện toàn lại và đội ngũ cán bộ sẵn có để tổ chức thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao trong Luật. Các bộ, ngành, địa phương sẽ tổ chức, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ có chuyên môn, kỹ năng phù hợp để thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở kế thừa, tổ chức lại cán bộ làm công tác ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, Sở Khoa học và Công nghệ, Phòng Văn hóa - Xã hội tại cấp cơ sở.

- Đảm bảo cơ sở vật chất và kinh phí: Cần rà soát, bố trí hệ thống máy tính,

trang thiết bị, nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, đảm bảo khả năng kết nối, khai thác, quản lý, lưu trữ, an toàn, an ninh mạng phục vụ thực thi công vụ trên môi trường số (thông qua đầu tư công trung hạn). Đồng thời, bố trí kinh phí thường xuyên hỗ trợ thực hiện chuyển đổi số phục vụ các nội dung chỉ cho chuyển đổi số theo quy định của pháp luật.

- Công tác chuyển đổi số sẽ kế thừa kinh nghiệm từ công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã được tổ chức thực hiện chuyên nghiệp, bài bản thời gian qua. Các cơ quan đều đã bố trí cán bộ và kinh phí cho công tác này, đồng thời đã có kinh nghiệm tổ chức thực hiện. Luật Chuyển đổi số luật hóa các nội dung từ thực tiễn triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số thời gian vừa qua theo chủ trương, định hướng mới của Đảng, Nhà nước. Các điều kiện chi tiết để thực hiện cho thấy rằng hành động lập pháp chỉ là bước đầu tiên. Chuyển đổi số thành công đòi hỏi một hệ sinh thái mạnh mẽ gồm các quy định hỗ trợ, nhân sự có kỹ năng, cơ sở hạ tầng đầy đủ và giám sát liên tục. Điều này ngụ ý một cam kết dài hạn, bền vững ngoài việc chỉ thông qua luật.

3. Về thời gian trình

Dự kiến thời gian trình Quốc hội là tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV (tháng 10 năm 2025).

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Chuyển đổi số của Chính phủ, kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo các tài liệu: (1) Dự thảo Luật Chuyển đổi số; (2) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến các thành viên Chính phủ; (3) Báo cáo thẩm định và Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (4) Bản so sánh dự thảo sửa đổi, bổ sung, thay thế hiện hành và lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế; (5) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo; (6) Bảng tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Ban Bí thư;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (3b);
- Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (6b);
- Các Bộ: TP, CA, QP, NG;
- Bộ KH-CN (3b);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: PL, NC, QHĐP, TH;
- Lưu: VT, Cục KSTT (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ**



Nguyễn Mạnh Hùng